

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 112/1998/TT-BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 1998

THÔNG TƯ

***Hướng dẫn việc quản lý và cấp giấy phép lưu hành đặt biệt cho xe quá tải, xe quá khổ,
xe bánh xích trên đường bộ***

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 3 năm 1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Điều 22 - Pháp lệnh bảo vệ công trình giao thông ngày 02 tháng 12 năm 1994;

Căn cứ Điều 19 và Điều 26 - Điều lệ trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 29 tháng 5 năm 1995 của Chính phủ;

Căn cứ vào thực trạng của hệ thống cầu, đường hiện nay;

Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc quản lý và cấp phép lưu hành đặc biệt cho xe quá tải, xe quá khổ, xe bánh xích như sau:

1. Quy định chung:

1.1. Xe quá tải, xe quá khổ khi lưu hành trên đường giao thông công cộng và xe bánh xích khi tự hành trên đường giao thông công cộng phải có giấy phép lưu hành đặc biệt (GPLHĐB) do cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp.

1.2. Xe quá tải là xe theo thiết kế của nhà sản xuất hoặc xe theo thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (gọi chung là thiết kế của nhà sản xuất) có trọng lượng toàn bộ phân bố trên trục (gọi tắt là tải trọng trục) hoặc có trọng lượng toàn bộ của xe gồm trọng lượng bản thân xe cộng với trọng tải hàng hoá (gọi tắt là tổng tải trọng) vượt quá quy định về sức chịu tải của cầu và đường.

1.3. Xe quá khổ là xe theo thiết kế của nhà sản xuất hoặc khi xe xếp hàng có kích thước bao vượt quá quy định cho phép của cầu và đường.

1.4. GPLHĐB chỉ cấp cho xe quá tải, xe quá khổ khi vận chuyển hàng hoá không thể tháo, cắt rời hoặc chia nhỏ như các cỗ máy, các thiết bị, các kiện hàng cần chở nguyên đai, nguyên kiện (kể cả container) và các xe bồn (xe xitéc) vận chuyển chất lỏng phải chở đầy để đảm bảo an toàn, làm cho tải trọng hoặc kích thước vượt quá quy định.

1.5. Xe, máy chuyên dùng khi tự hành trên đường giao thông công cộng có tổng tải trọng hoặc kích thước vượt quá quy định của cầu và đường được coi như xe quá tải, xe quá khổ.

1.6. Nghiêm cấm các chủ xe (hoặc lái xe) chở hàng quá tải trọng cho phép theo thiết kế của nhà sản xuất.

1.7. Việc cấp GPLHĐB phải trên cơ sở đảm bảo vận hành an toàn cho phương tiện và an toàn cho các công trình giao thông đường bộ, đồng thời giúp chủ xe chọn các hướng tuyến hoạt động hợp lý.

1.8. Để giảm bớt lượng xe quá tải, xe quá khổ hoạt động trên đường bộ, khuyến khích các chủ hàng và chủ phương tiện tận dụng khả năng vận chuyển hàng hoá quá khổ, quá tải bằng các phương tiện đường sắt, đường sông.

1.9. Thủ tục hàng chính trong việc cấp GPLHĐB phải đảm bảo nguyên tắc nhanh, gọn, chặt chẽ và đúng quy định.

2. Quy định về tải trọng và kích thước khi cấp GPLHĐB

2.1. Về tải trọng:

2.1.1. Phạm vi giới hạn về tổng tải trọng cấp GPLHĐB được quy định cụ thể cho 07 dạng phương tiện cơ giới đường bộ thông dụng như sau:

Dạng 1: Xe 02 trục đơn (Hình vẽ số 1 - Phụ lục 1):

Trên 16 tấn đến 18 tấn.

Quy định này chỉ áp dụng khi xét cấp GPLHĐB cho các loại xe, máy chuyên dùng có 02 trục đơn tự hành trên đường giao thông công cộng, không áp dụng cho xe 02 trục đơn làm nhiệm vụ vận tải hàng hoá. Đối với xe vận tải hàng hoá có 02 trục đơn, cho phép tổng tải trọng của xe tối đa là 16 tấn. Không cấp GPLHĐB cho xe 02 trục đơn chở hàng hoá quá mức tổng tải trọng 16 tấn.

Dạng 2: Xe 03 trục, gồm có:

Xe có trục chuyên hướng kép phía trước và trục đơn phía sau

(Hình vẽ số 2a - Phụ lục 1)

Xe có trục chuyên hướng đơn phía trước và trục kép phía sau

(Hình vẽ số 2b - Phụ lục 1): Trên 21 tấn đến 24 tấn.

Dạng 3: Xe 04 trục với các trục trước và sau đều là trục kép

(Hình vẽ số 3 - Phụ lục 1): Trên 28 tấn đến 30 tấn

Dạng 4: Xe kéo sơ mi rơ moóc 03 trục đơn, trong đó đầu kéo có 02 trục đơn và sơ mi rơ moóc có 01 trục đơn (Hình vẽ số 4 - Phụ lục 1): Trên 24 tấn đến 26 tấn.

Dạng 5: Xe kéo sơ mi rơ moóc 04 trục, gồm có:

Đầu kéo có 02 trục đơn và sơ mi rơ moóc có 1 trục kép (Hình vẽ số 5a - Phụ lục 1)

Đầu kéo có 01 trục đơn phía trước, 01 trục kép phía sau và sơ mi rơ moóc có 01 trục đơn

(Hình vẽ số 5b - Phụ lục 1): Trên 30 tấn đến 32 tấn.

Dạng 6: Xe kéo sơ mi rơ moóc 05 trục, trong đó đầu kéo có 01 trục đơn phía trước, 01 trục kép phía sau và sơ mi rơ moóc có 01 trục kép (Hình vẽ số 6 - Phụ lục 1): Trên 36 tấn đến 38 tấn.

Dạng 7: Xe kéo sơ mi rơ moóc 06 trục, trong đó đầu kéo có 01 trục đơn phía trước, 01 trục kép phía sau và sơ mi rơ moóc có trục ba với khoảng cách giữa 02 trục ngoài cùng của trục ba lớn hơn 260 cm (Hình vẽ số 7 - Phụ lục 1): Trên 42,5 tấn đến 45,5 tấn.

2.1.2. Đối với rơ moóc hoặc các tổ hợp khác kéo theo xe phải thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau đây:

Tải trọng trục: Đối với trục đơn không vượt quá 10 tấn; đối với trục kép không vượt quá 16 tấn; đối với trục ba không vượt quá 21 tấn.

Tổng tải trọng: Không được vượt quá thiết kế của nhà sản xuất.

Không cấp GPLHĐB đối với rơ moóc hoặc các tổ hợp khác kéo theo xe vượt quá quy định nêu trên.

2.2. Về kích thước

Quy định về phạm vi giới hạn kích thước cấp GPLHĐB cho xe quá khổ như sau:

Chiều rộng của bản thân xe: trên 2,5m đến 2,65m.

Chiều cao: Từ mặt đất đến hết chiều cao của bản thân xe hoặc chiều cao khi xếp hàng: trên 3,5m đến 4,2m.

Về chiều dài của xe và chiều dài xếp hàng trên xe phải tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 13 và khoản 1 Điều 26 của Điều lệ trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 29 tháng 5 năm 1995 của Chính phủ.

Đối với xe xếp hàng vượt ra ngoài thùng xe phải kê chèn, chằng buộc hàng chắc chắn, đảm bảo sự ổn định của xe và hàng hoá trong suốt quá trình vận chuyển.

2.3. Các xe có tổng tải trọng dưới mức tối thiểu quy định tại điểm 2.1. hoặc có kích thước dưới mức tối thiểu quy định tại điểm 2.2 nêu trên khi lưu hành trên đường giao thông công cộng không phải xin GPLHĐB nhưng phải tuân thủ hệ thống biển báo và các chỉ dẫn giao thông.

2.4. Trong trường hợp các xe không phải xin GPLHĐB như quy định tại điểm 2.3 trên đây nhưng khi hoạt động trên tuyến hoặc đoạn tuyến cụ thể mà khả năng chịu tải hoặc kích thước của cầu đường không đảm bảo thì vẫn phải đến cơ quan cấp GPLHĐB để được xem xét giải quyết và hướng dẫn cụ thể.

2.5. Các xe quá tải, xe quá khổ có tổng tải trọng hoặc kích thước của bản thân xe và cả hàng hoá xếp trên xe vượt quá mức tối đa quy định tại điểm 2.1, điểm 2.2 cũng như các xe có nhu cầu xếp hàng hoá vượt ra ngoài các quy định về kích thước xếp hàng nêu tại điểm 2.2 gọi là xe siêu trường, siêu trọng.

Các xe siêu trường, siêu trọng và các xe quá tải, quá khổ chưa được quy định tại điểm 2.1, điểm 2.2 nêu trên khi hoạt động trên đường giao thông công cộng phải có GPLHĐB cấp cho xe siêu trường, siêu trọng.

Cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm hướng dẫn việc cấp GPLHĐB cho xe siêu trường, siêu trọng.

2.6. Trường hợp trên tuyến có các điểm hạn chế khác nhau về tải trọng hoặc kích thước, người cấp GPLHĐB phải lấy mức hạn chế thấp nhất để cấp phép, hướng dẫn chủ hàng sử dụng phương tiện vận chuyển hợp lý, hoặc sử dụng các phương tiện đường sắt, đường sông khi các điều kiện đường bộ không cho phép.

2.7. Nghiêm cấm việc cấp GPLHĐB vượt quá sức chịu tải của xe theo thiết kế của nhà sản xuất.

3. Thẩm quyền cấp GPLHĐB

3.1. Tổng giám đốc các khu Quản lý đường bộ II, IV, V, VII cấp GPLHĐB cho các xe hoạt động trên mạng lưới đường bộ do Trung ương và địa phương quản lý trong phạm vi cả nước, nơi chủ xe có trụ sở, có nơi cư trú hoặc các xe đang được phép hoạt động thuộc phạm vi quản lý của các Khu Quản lý đường bộ nói trên.

3.2. Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Giao thông công chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp GPLHĐB cho các xe chạy trong nội tỉnh, trên các đường địa phương quản lý hoặc trên các tuyến đường do Trung ương quản lý không thuộc địa bàn tỉnh, thành phố.

3.3. Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam trực tiếp cấp hoặc uỷ quyền cho Thủ trưởng cơ quan quản lý đường bộ cấp GPLHĐB cho xe siêu trường, siêu trọng đối với từng trường hợp cụ thể.

4. Thủ tục cấp GPLHĐB

4.1 Hồ sơ xin cấp GPLHĐB gồm:

Đơn xin cấp GPLHĐB theo mẫu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3.

Bản photocopy giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường và bản photocopy trang số 1 của sổ "Kiểm định an toàn kỹ thuật phương tiện cơ giới đường bộ" hoặc giấy phép lưu hành của phương tiện còn giá trị.

Bản photocopy giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.

Bản photocopy giấy phép vận tải hàng hoá đường bộ (trừ các xe không thuộc đối tượng cấp giấy phép vận tải hàng hoá đường bộ theo Quyết định số 1748 QĐ/GTVT ngày 12/7/1997 của